TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Sáu và bà Trần Thị Liên.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh ngày 09/02/1985; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: số 582, đoạn 3, đường T, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). Căn cước công dân số: 038085041669.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản của nguyên đơn: anh Đặng Hồng S, sinh năm 2001 và anh Trần Mạnh C, sinh năm 2003; địa chỉ: số 90 T, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Th, sinh ngày 12/02/1980; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Đài Loan. Căn cước công dân số: 030180005039.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H kết hôn với chị Đặng Thị Th trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào năm 2021 *(nay là phường N, thành phố Hải Phòng)*. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Anh và chị Th chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau, đời sống vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau. Đầu năm 2024, do mâu thuẫn trầm trọng, anh xuất cảnh sang Đài Loan lao động. Tính chất công việc bận rộn, khoảng cách xa xôi khiến vợ chồng không có cơ hội gần gũi, chăm sóc nhau, lâu ngày tình cảm vợ chồng ngày càng thêm phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2024 cho đến nay, anh và chị Th sống ly thân, không gặp nhau trực tiếp, không thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Trong suốt thời gian mâu thuẫn, anh và chị Th đã nhiều lần tìm cách nói chuyện, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng không thành. Việc duy trì cuộc hôn nhân không còn tình cảm và có quá nhiều mâu thuẫn khiến anh vô cùng mệt mỏi. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh H và chị Th không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh H đang lao động tại Đài Loan nên anh không thể có mặt ở trong nước để giải quyết vụ án được, anh H xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

- Tại các biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2025 và ngày 14/8/2025, bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ chị Th trình bày: Anh H và chị Th kết hôn vào năm 2021. Sau khi kết hôn, anh H và chị Th chung sống cùng gia đình bà. Đầu năm 2023, anh H đi lao động tại Đài Loan. Chị Th cũng đi lao động tại Đài Loan khoảng 03 tháng nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H, chị Th như thế nào, bà không biết. Chị Th vẫn thường liên lạc về với bà qua điện thoại. Bà đã nhận các văn bản thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo mở phiên họp về việc giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án gửi cho chị Th. Bà đã thông báo nội dung của các văn bản trên cho chị Th. Chị Th có nói với bà chị đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do công việc ở Đài Loan rất bận nên chị Th không gửi được văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu khởi kiện anh H cho Tòa án, chị Th đề nghị vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Toà án.

- Tại công văn số 17931/QLXNC-P3 ngày 06/8/2025, Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Chị Đặng Thị Th xuất cảnh lần gần nhất ngày 04/5/2025, chưa có thông tin nhập cảnh.

- Tại phiên tòa:Nguyên đơn anh H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Th được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do;

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57; 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H, cho anh H được ly hôn với chị Đặng Thị Th; về con chung, tài sản chung: không đề nghị giải quyết; án phí, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, anh Bùi Văn H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Đặng Thị Th. Chị Th hiện nay đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại: tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu người thân của chị Th cung cấp địa chỉ của chị Th. Gia đình chị Th xác định chị Th đang ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ chị Th cho Toà án. Tuy nhiên, gia đình chị Th đồng ý nhận văn bản tố tụng của Toà án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho chị Th được biết. Chị Th không có văn bản gửi về cho Toà án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục

chung. Anh H và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên toà và đề nghị xử vắng mặt; chị Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương *(nay là phường N, thành phố Hải Phòng)* ngày 01/11/2022 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ lời khai của anh H và những người liên quan xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại KDC B, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tính chất công việc bận rộn, khoảng cách xa xôi khiến vợ chồng không có cơ hội gần gũi, chăm sóc nhau, lâu ngày tình cảm vợ chồng ngày càng thêm phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2024 cho đến nay, anh H và chị Th sống ly thân, không gặp nhau trực tiếp, không thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Trong suốt thời gian mâu thuẫn, anh và chị Th đã nhiều lần tìm cách nói chuyện, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng không thành. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục thực hiện thủ tục niêm yết công khai các tài liệu văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án cho chị Th theo quy định, đồng thời liên hệ với người thân của chị Th để giao tài liệu, xác định việc thông báo cho chị Th về nội dung khởi kiện của anh H. Bà Nguyễn Thị D *(mẹ đẻ của chị Th)* đã nhận các tài liệu và thông báo lại cho chị Th được biết, tuy nhiên do chị Th đang ở nước ngoài nên không thể về nước để làm việc được. Thông qua bà D, chị Th có quan điểm đồng ý ly hôn với anh H và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị. Xét thấy vợ chồng anh H, chị Th đã có mâu thuẫn từ lâu, anh chị không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh H được ly hôn chị Th theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H, chị Th không có con chung. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Đặng Thị Th.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0001750 ngày 17/7/2025, anh H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường N, TP Hải Phòng (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn